

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

Số: 3669/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 30 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh  
gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Thủy sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Thủy sản;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 5784/SNN-CNTY ngày 25/12/2024, ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 5754/STC-TCHCSN ngày 26/12/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025.

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y và các cơ quan, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN & PTNT (đề b/c);
- Cục Thú y (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT NN UBND tỉnh;
- PCVP KT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (M).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
BỘ CHỦ TỊCH

  
Nguyễn Văn Đệ



## **B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU**

#### **1. Mục tiêu**

- Chủ động thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và thủy sản; hạn chế tối đa thiệt hại về kinh tế do dịch bệnh động vật gây ra; đảm bảo an sinh xã hội, phát triển chăn nuôi bền vững, bảo vệ sức khỏe con người, bảo vệ môi trường.

- Giám sát phát hiện sớm các loại dịch bệnh nguy hiểm xảy ra ở động vật nuôi, thủy sản, động vật hoang dã... nhằm xử lý kịp thời, dập tắt dịch nhanh chóng, giảm thiểu tối đa thiệt hại cho ngành chăn nuôi năm 2025.

- Đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm trong chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ, sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật.

#### **2. Yêu cầu**

- Các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật tuân theo các quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y, thủy sản, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và hướng dẫn các cơ quan chuyên ngành thú y các cấp.

- Có sự chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp chính quyền, các ngành từ tỉnh đến cơ sở; huy động cả hệ thống chính trị, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y tích cực tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật.

- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, trang thiết bị cần thiết cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật. Thực hiện tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, chó, mèo... đảm bảo đạt 100% trong diện phải tiêm. Tổ chức, thực hiện phòng, chống dịch bệnh động vật kịp thời, hiệu quả, tránh gây lãng phí nguồn lực.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú y; phòng chống dịch bệnh động vật; buôn bán, vận chuyển, giết mổ động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra, kiểm soát chất lượng thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

### **II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Thông tin tuyên truyền**

- Mục đích: Nhằm cung cấp kiến thức về dịch bệnh động vật, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật và chính sách, pháp luật về chăn nuôi, thú y; từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y, người tiêu dùng.

- Nội dung: kịp thời, dễ hiểu.

+ Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chăn nuôi, thú y, thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cho chính quyền cấp huyện, xã, các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

+ Đặc điểm, tình hình, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, thủy sản và các biện pháp phòng, chống; những ảnh hưởng trực tiếp đến sản



xuất, sức khỏe con người. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật.

+ Các chế độ, chính sách trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y; định hướng người tiêu dùng dần thay đổi thói quen, lựa chọn sản phẩm động vật có nguồn gốc rõ ràng, đã được kiểm soát về chất lượng.

- Phương thức: thực hiện bằng nhiều hình thức, phù hợp với tình hình thực tế.

+ Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo, đài, truyền hình, loa phóng thanh... từ tỉnh đến cơ sở; Website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trang thông tin điện tử của Chi cục Chăn nuôi và Thú y; tọa đàm, in ấn tài liệu, tờ rơi, tờ gấp, tờ dán, đĩa hình, đĩa tiếng... về phòng, chống dịch bệnh động vật, tiêm phòng vắc xin, quản lý thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về chăn nuôi, thú y cho lực lượng thú y các cấp, cho cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

+ Tổ chức các cuộc hội nghị triển khai công tác phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh động vật và sơ kết, tổng kết công tác chăn nuôi, thú y cấp tỉnh.

- Tần suất tuyên truyền: Thực hiện thường xuyên, chú trọng các thời điểm (giao mùa, nắng nóng, mưa rét, lũ lụt...) dự báo thường xảy ra dịch bệnh động vật, tiêm phòng, khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi...

## **2. Phòng bệnh bằng vắc xin cho đàn vật nuôi**

- Mục đích: Để tạo miễn dịch chủ động cho đàn vật nuôi chống lại mầm bệnh, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, đảm bảo không để dịch phát sinh, góp phần thúc đẩy chăn nuôi phát triển ổn định, bền vững.

- Tiêm phòng phải đảm bảo đúng kỹ thuật, an toàn, đúng thời gian quy định, đủ số mũi tiêm. Đàn gia súc, gia cầm sau khi tiêm phòng đạt tỷ lệ bảo hộ cao, đáp ứng yêu cầu phòng bệnh.

- Loại vắc xin tiêm phòng: Sử dụng các loại vắc xin sau hoặc theo khuyến cáo, hướng dẫn của Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Phòng bệnh Cúm gia cầm: Vắc xin cúm gia cầm H5 vô hoạt chủng D7 và rD8, H5N1-Re5, Navet-fluvac 2...

+ Phòng bệnh Lở mồm long móng (LMLM): Tùy theo type gây bệnh thực địa, lựa chọn vắc xin LMLM đơn type O (Aftogen Oleo, Avac-V6 FMD Emulsion, Aftopor...) hoặc vắc xin nhị type A, O (Aftovax bivalent, Aftopor bivalent, Bioaftogen...).

+ Phòng bệnh Tai xanh lợn (PRRS): Vắc xin Tai xanh nhược độc chủng JXA1-R, vắc xin vô hoạt.

+ Phòng bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) trâu, bò: Vắc xin Lumpyvac, Mevac LSD, Avac LSD Live.



- + Phòng bệnh DTLCP: Vắc xin AVAC ASF LIVE, NAVET-ASFVAC...
- + Phòng bệnh Đại động vật: Vắc xin Rabisin, Rabiva, Biorabies.
- + Phòng các dịch bệnh nguy hiểm khác trên đàn vật nuôi sử dụng các loại vắc xin theo hướng dẫn của Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tổ chức tiêm phòng định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm mỗi năm 02 đợt (vụ Xuân, vụ Thu) và tiêm phòng khẩn cấp khi có ổ dịch động vật xảy ra. Dựa trên kết quả xét nghiệm, kết quả giám sát lưu hành mầm bệnh, khuyến cáo sử dụng vắc xin của Cục Thú y, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tham mưu, lựa chọn và tổ chức tiêm phòng các loại vắc xin phù hợp với từng loại dịch bệnh động vật xảy ra trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên các loại vắc xin đã được tiêm phòng đánh giá hiệu giá kháng thể cao, có hiệu quả tốt phòng các loại dịch bệnh động vật xảy ra tại các địa phương.

### **2.1. Tiêm phòng vắc xin định kỳ cho đàn vật nuôi**

a) Phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin cho đàn vật nuôi theo quy định tại Thông tư số 07/2016/BNNPTNT, Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT:

- Trâu bò: Tiêm phòng vắc xin LMLM, Tụ huyết trùng (THT), VDNC.
- Lợn: Tiêm phòng vắc xin LMLM, THT, Dịch tả lợn.
- Dê, cừu: Tiêm phòng vắc xin LMLM.
- Gà, chim cút: Tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm (thể độc lực cao), Niu cát xon.
- Vịt, ngan: Tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm (thể độc lực cao), Dịch tả vịt.
- Chó, mèo: Tiêm phòng vắc xin Đại.
- Đối với bệnh Tai xanh ở lợn: Khuyến khích chủ trang trại, người chăn nuôi tiêm phòng cho đàn lợn khỏe mạnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn và công ty sản xuất vắc xin.
- Đối với bệnh DTLCP: Khuyến khích chủ trang trại, người chăn nuôi tiêm phòng cho đàn lợn thịt khỏe mạnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn và công ty sản xuất vắc xin.

- Đối tượng tiêm vắc xin phòng bệnh LMLM:

- + Các trang trại, cơ sở nuôi gia súc tập trung: Trâu, bò, lợn, dê, cừu.
- + Nông hộ chăn nuôi: Trâu, bò, lợn nái, lợn đực giống.
- Đối với các bệnh động vật khác: Lép tô lợn, Phó thương hàn lợn, Ung khí thán trâu, bò, Suyễn lợn, Gumboro ở gia cầm... tùy thuộc vào tình hình dịch bệnh, tính chất dịch tễ của từng loại bệnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch tiêm phòng phù hợp cho đàn vật nuôi tại địa bàn quản lý.

b) Thời gian tiêm phòng:

- Đợt 1: Triển khai từ 15/3/2025 đến 15/4/2025.
- Đợt 2: Triển khai từ 15/9/2025 đến 15/10/2025.



Căn cứ vào tình hình thực tế, có thể tổ chức tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi sớm hơn hoặc muộn hơn kế hoạch chung của tỉnh, nhưng phải tuân thủ nguyên tắc tiêm vắc xin mũi 1 (đợt 1) và mũi 2 (đợt 2) cách nhau từ 4 đến 6 tháng.

Vắc xin Đại chó, mèo; vắc xin VDNC trâu, bò: Mỗi năm chỉ tiêm 01 mũi vắc xin (có miễn dịch bảo hộ 01 năm) và tổ chức tiêm phòng cùng với đợt 1. Các tháng còn lại tổ chức tiêm phòng bổ sung cho đàn vật nuôi chưa được tiêm phòng hoặc đã hết thời gian miễn dịch.

Lưu ý: Vắc xin VDNC trâu, bò, vắc xin DTLCP không tiêm cùng thời điểm với các loại vắc xin khác (khoảng cách tiêm phòng vắc xin VDNC, vắc xin DTLCP và các loại vắc xin khác cho gia súc cách nhau tối thiểu là 07 ngày).

c) Phạm vi tiêm phòng: Tiêm phòng cho toàn bộ đàn gia súc, gia cầm, chó, mèo, và các loại vật nuôi khác trong phạm vi cả tỉnh.

d) Nhu cầu số lượng vắc xin tiêm phòng: Đảm bảo tiêm đạt trên 80% tổng đàn vật nuôi đối với từng bệnh.

TT	Tổng đàn vật nuôi (con)		Loại vắc xin	Nhu cầu tiêm phòng 1 vụ/năm (con)	Nhu cầu tiêm phòng cả năm (con)	Ghi chú
1	Trâu, bò	797.168	THT trâu, bò	637.734	1.275.468	
2			LMLM trâu, bò	637.734	1.275.468	
3			VDNC trâu, bò	637.734	637.734	Tiêm phòng 1 vụ/năm
4	Lợn	1.016.616	THT lợn	813.293	1.626.586	
5			Dịch tả lợn	813.293	1.626.586	
6			LMLM	284.652	569.304	
7	Chó, mèo	365.009	Đại chó	292.007	292.007	Tiêm phòng 1 vụ/năm
8	Gia cầm	37.188.000	Cúm gia cầm	29.750.400	59.500.800	

(Chi tiết tại Phụ lục 1,2,3 kèm theo)

## 2.2. Tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND và các kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt

### 2.2.1. Tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND

- Thực hiện theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.



- Phạm vi tiêm phòng: Tiêm phòng cho 100% đàn vật nuôi trong diện phải tiêm tại các xã miền núi khu vực III và khu vực II.

- Tổng đàn gia súc tại các xã miền núi khu vực III, khu vực II và nhu cầu vắc xin tiêm phòng:

TT	Tổng đàn vật nuôi (con)		Loại vắc xin	Nhu cầu tiêm phòng 1 vụ/năm (con)	Nhu cầu tiêm phòng cả năm (con)	Ghi chú
1	Trâu, bò	185.425	THT trâu, bò	148.340	269.680	
2			LMLM trâu, bò	148.340	269.680	
3			VDNC trâu, bò	148.340	148.340	Tiêm phòng 1 vụ/năm
4	Lợn	122.419	THT lợn	97.935	195.870	
5			Dịch tả lợn	97.935	195.870	

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

2.2.2. Tiêm phòng vắc xin theo các kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật của UBND tỉnh đã phê duyệt

1) Kế hoạch phòng, chống bệnh Cúm gia cầm:

- Thực hiện Quyết định số 1116/QĐ-UBND và Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phòng, chống bệnh Cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2019 - 2025.

- Phạm vi tiêm phòng: Tiêm phòng cho đàn gia cầm thuộc vùng đang xảy ra dịch, các huyện nguy cơ cao, vùng ổ dịch cũ, vùng chăn nuôi gia cầm trọng điểm.

- Tổng đàn gia cầm thuộc phạm vi tiêm phòng và nhu cầu vắc xin:

+ Tổng đàn gia cầm (chăn nuôi nông hộ): 15.792.750 con.

+ Nhu cầu số lượng vắc xin Cúm gia cầm: 12.634.200 liều/01 vụ, 25.268.400 liều/năm.

2) Kế hoạch phòng, chống bệnh Lở mồm long móng:

- Thực hiện Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh.

- Phạm vi tiêm phòng: Đàn trâu, bò của các huyện thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; vùng đệm chăn nuôi bò sữa tại huyện Nghĩa Đàn và thị xã Thái Hòa; vùng đang xảy ra dịch; vùng ổ dịch cũ; vùng nguy cơ cao; vùng chăn nuôi trâu bò trọng điểm; vùng chăn nuôi gia súc có các chợ buôn bán trâu, bò lớn của tỉnh.

- Tổng đàn trâu, bò thuộc phạm vi tiêm phòng và nhu cầu vắc xin:

+ Tổng đàn trâu, bò: 147.301 con.

+ Nhu cầu số lượng vắc xin LMLM: 117.841 liều/01 vụ, 235.682 liều/năm.

3) Kế hoạch phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò

- Thực hiện Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh.



- Phạm vi tiêm phòng: Đàn trâu, bò tại các vùng đang xảy ra dịch, vùng ổ dịch cũ, vùng nguy cơ cao, vùng chăn nuôi trâu bò trọng điểm, vùng chăn nuôi gia súc có các chợ buôn bán trâu bò lớn của tỉnh.

- Tổng đàn trâu bò thuộc phạm vi tiêm phòng và nhu cầu vắc xin:

+ Tổng đàn trâu, bò: 150.715 con.

+ Nhu cầu số lượng vắc xin VDNC: 120.572 liều/01 vụ/01 năm.

#### 4) Kế hoạch phòng, chống bệnh Đại động vật

- Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh.

- Phạm vi tiêm phòng: Đàn chó, mèo tại các khu vực có dịch, vùng ổ dịch cũ, vùng nguy cơ cao; xây dựng và duy trì vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh Đại động vật, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng miền núi khu vực II, III, biên giới,...

- Tổng đàn chó, mèo thuộc phạm vi tiêm phòng và nhu cầu vắc xin tiêm phòng:

+ Tổng đàn chó, mèo: 205.253 con.

+ Nhu cầu số lượng vắc xin Đại: 164.202 liều/01 vụ/01 năm.

#### 5) Kế hoạch phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi

- Thực hiện Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh.

- Phạm vi tiêm phòng: Tiêm phòng cho đàn lợn thịt khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng của bệnh truyền nhiễm, lứa tuổi phù hợp với từng loại vắc xin; cơ sở chăn nuôi áp dụng tốt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, vùng chưa bị bệnh DTLCP.

- Căn cứ Luật Thú y, các văn bản của Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và PTNT...; căn cứ tình hình thực tế, giao Chi cục Chăn nuôi và Thú y tham mưu số lượng vắc xin DTLCP, kinh phí cần tiêm phòng, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí.

### 2.3. Tiêm phòng vắc xin khẩn cấp khi có ổ dịch bệnh động vật

- Tổ chức tiêm phòng vắc xin khẩn cấp để bao vây, khống chế ổ dịch hiệu quả đối với các bệnh: LMLM gia súc, Cúm gia cầm, Đại chó mèo, VDNC trâu bò, Tai xanh, các loại dịch bệnh động vật nguy hiểm khác.

- Phạm vi, đối tượng tiêm phòng: Tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm khỏe mạnh trong diện tiêm phòng tại vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm, vùng nguy cơ cao, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm trọng điểm. Phạm vi, đối tượng tiêm phòng cụ thể do Chi cục Chăn nuôi và Thú y và cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện quyết định.



- Thời gian tổ chức tiêm phòng: Triển khai tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm thuộc phạm vi, đối tượng nêu trên sau khi có kết quả xét nghiệm dương tính (+) với vi rút gây bệnh Cúm gia cầm, Tai xanh ở lợn, bệnh Đại động vật, VDNC trâu bò... hoặc được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương kiểm tra, xác minh và kết luận là mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

### **3. Giám sát dịch bệnh động vật, giám sát sau tiêm phòng vắc xin**

#### **3.1. Giám sát dịch bệnh động vật**

- Mục đích: Phát hiện sớm các loại dịch bệnh có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế - xã hội, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, các bệnh truyền lây giữa động vật và người để khoanh vùng, dập dịch kịp thời, hạn chế dịch bệnh lây lan.

- Giám sát dịch bệnh bao gồm: Giám sát dịch bệnh động vật chủ động, giám sát dịch bệnh động vật bị động và giám sát định kỳ đối với một số bệnh truyền lây giữa động vật và người.

##### **3.1.1. Giám sát chủ động, bị động dịch bệnh động vật**

###### **- Giám sát dịch bệnh động vật chủ động**

+ Mục đích: Dự tính, dự báo sớm các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như: Cúm gia cầm, DTLCP, LMLM, VDNC, dịch bệnh thủy sản...; lấy kết quả giám sát làm căn cứ để phân tích chuyên sâu, phát hiện sự biến chủng của mầm bệnh giúp định hướng sử dụng vắc xin và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật phù hợp, có hiệu quả.

+ Triển khai lấy mẫu bệnh phẩm, môi trường chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi... để xác định sự lưu hành của các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật khi chưa xảy ra dịch bệnh tại các vùng ổ dịch cũ, vùng nguy cơ cao, vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trọng điểm; cơ giết mổ, cơ sở thu gom, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, chợ buôn bán gia súc, gia cầm.

+ Địa điểm, đối tượng, thời gian, số lượng mẫu theo các Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt (các Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh: số 1116/QĐ-UBND, số 3385/QĐ-UBND, số 115/QĐ-UBND, số 1968/QĐ-UBND, số 5179/QĐ-UBND, số 766/QĐ-UBND). Trường hợp động vật chết, dịch bệnh lây lan nhanh hoặc nghi ngờ bệnh truyền nhiễm mới, Chi cục Chăn nuôi và Thú y chủ động triển khai, phối hợp UBND cấp huyện lấy mẫu theo hướng dẫn của Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

###### **- Giám sát dịch bệnh động vật bị động**

+ Mục đích: Kịp thời phát hiện dịch bệnh khi động vật ốm, chết, nghi mắc bệnh truyền nhiễm, từ đó triển khai các giải pháp phòng chống, xử lý ổ dịch phát sinh trong diện hẹp.

+ UBND cấp huyện chỉ đạo phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, UBND cấp xã, cán bộ phụ trách thú y chủ động giám sát, kiểm tra, lấy mẫu khi có thông tin từ người dân báo gia súc, gia cầm, thủy sản ốm,



chết bất thường, nghi ngờ bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; mẫu gửi đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y Nghệ An tiếp nhận, kiểm tra và gửi phòng xét nghiệm thuộc Cục Thú y hoặc phòng thử nghiệm được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

+ Đối với các mẫu bệnh phẩm xét nghiệm để xác định tác nhân gây bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản phục vụ công tác phòng, chống dịch; Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổng hợp số tiền xét nghiệm mẫu đã thực hiện theo từng đợt, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT trình cấp có thẩm quyền giao kinh phí để đơn vị chi trả cho cơ quan xét nghiệm mẫu.

### 3.1.2. Giám sát dịch bệnh động vật định kỳ

- Giám sát định kỳ đối với một số bệnh truyền lây giữa động vật và người tại các cơ sở chăn nuôi gia súc giống, gia cầm giống và bò sữa (*quy định tại mục 2, Phụ lục 07, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn*). Cụ thể:

+ Các bệnh ở trâu, bò: Sảy thai truyền nhiễm, Lao bò, Xoắn khuẩn.

+ Các bệnh ở lợn: Xoắn khuẩn, Liên cầu khuẩn lợn (*type 2*).

+ Các bệnh ở dê: Xoắn khuẩn.

+ Các bệnh ở gia cầm: Cúm gia cầm (*thể độc lực cao hoặc chủng vi rút có khả năng truyền lây bệnh cho người*).

- Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tự chi trả kinh phí lấy mẫu, xét nghiệm.

### 3.2. Giám sát sau tiêm phòng vắc xin

- Mục đích: Đánh giá kết quả tiêm phòng và khả năng đáp ứng miễn dịch của đàn vật nuôi sau khi được tiêm vắc xin để kịp thời chấn chỉnh, khuyến cáo sử dụng vắc xin phù hợp, hiệu quả.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát sau tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh để đánh giá kết quả tiêm phòng; phối hợp Cục Thú y xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát tại vùng chăn nuôi trọng điểm, vùng chăn nuôi phục vụ xuất khẩu (theo kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT/Cục Thú y).

## 4. Vệ sinh, khử trùng tiêu độc (KTTĐ) phòng, chống dịch bệnh động vật

- Mục đích: Để tiêu diệt mầm bệnh truyền nhiễm trong môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; ngăn chặn, hạn chế sự phát tán, phát sinh và lây lan dịch bệnh động vật.

- Triển khai KTTĐ môi trường định kỳ, sau bão lụt và KTTĐ xử lý môi trường khẩn cấp khi dịch bệnh động vật xảy ra.

- Dự kiến số lượng hóa chất KTTĐ năm 2025:

+ Tổng nhu cầu hóa chất phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn: 52.725 lít.



+ Tổng nhu cầu hóa chất chống dịch bệnh động vật thủy sản: 54.000 kg.

(Chi tiết tại phụ lục 4 kèm theo)

#### **4.1. KTTĐ môi trường định kỳ và sau bão lụt phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn**

- Phạm vi khử trùng: Tổ chức phun khu vực chuồng trại chăn nuôi ở các xã, phường, thị trấn có dịch, ổ dịch cũ, vùng bị dịch uy hiếp, vùng nguy cơ cao, vùng chăn nuôi trọng điểm; những nơi thu gom động vật, các chợ buôn bán động vật sống, sản phẩm động vật tươi sống; hồ tiêu hủy động vật; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; vùng bị ngập úng sau khi nước rút và đã vệ sinh cơ giới... trên địa bàn tỉnh.

- Tần suất: Dự kiến triển khai 02-03 đợt.

- Diện tích dự kiến cần KTTĐ 65.450.000 m<sup>2</sup>, nhu cầu hóa chất 32.725 lít.

#### **4.2. KTTĐ xử lý khẩn cấp khi xảy ra dịch bệnh động vật trên cạn**

- Phạm vi khử trùng: Tổ chức phun KTTĐ môi trường tại vùng có dịch, vùng dịch bị uy hiếp và vùng nguy cơ cao xảy ra dịch bệnh động vật...

- Diện tích dự kiến cần KTTĐ 40.000.000 m<sup>2</sup>; nhu cầu hóa chất 20.000 lít.

#### **4.3. KTTĐ môi trường xử lý dịch bệnh thủy sản và sau bão lụt**

- Phạm vi khử trùng: Xử lý ao, đầm nuôi, khu vực xung quanh, hồ tiêu hủy thủy sản bị bệnh, ngập lụt...

- Diện tích ao, đầm nuôi bị bệnh, ngập lụt, dự kiến: 120 ha, nhu cầu hóa chất 54.000 kg.

**4.4. Loại hóa chất:** Hóa chất KTTĐ phòng, chống dịch bệnh trên cạn: Fordecid, Iodine 10%, Benkocid...; hóa chất KTTĐ chống dịch thủy sản: Chlorine 65-70% hoặc các loại hóa chất khác nằm trong danh mục được phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

### **5. Điều tra ổ dịch, các biện pháp xử lý ổ dịch, chống dịch bệnh động vật**

#### **5.1. Điều tra ổ dịch**

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y chỉ đạo, hướng dẫn điều tra ổ dịch bệnh động vật.

- UBND cấp huyện chỉ đạo phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện, UBND cấp xã, các phòng, ban, đơn vị chuyên môn tại địa phương thực hiện điều tra ổ dịch trên địa bàn quản lý.

- Nguyên tắc, nội dung điều tra ổ dịch bệnh động vật theo quy định tại Điều 19 Luật Thú y; khoản 1, khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT (đối với bệnh động vật trên cạn); khoản 1, khoản 2, Điều 13 Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản (đối với bệnh động vật thủy sản).

#### **5.2. Xử lý ổ dịch, chống dịch bệnh động vật**

- UBND các cấp chỉ đạo UBND cấp dưới, các cơ quan chuyên môn chăn nuôi, thú y có liên quan xử lý ổ dịch bệnh động vật, đồng thời bố trí kinh phí, nguồn lực để



xử lý, khống chế dịch bệnh hiệu quả, khôi phục chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau khi xảy ra dịch bệnh.

- Xử lý ổ dịch bệnh động vật theo điều 25, điều 33 Luật Thú y; điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT; điều 15 Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT; Các kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản đã được UBND tỉnh phê duyệt.

#### **6. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật**

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức thẩm định, kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật theo quy định; duy trì các cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh trên địa bàn tỉnh; khảo sát, xây dựng mới các cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh Đại, Cúm gia cầm, LMLM và một số dịch bệnh nguy hiểm khác trên đàn vật nuôi, thủy sản nuôi...

- Chính quyền địa phương cấp huyện, xã xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật; trước mắt tập trung chỉ đạo xây dựng thành công vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp xã đối với bệnh Đại tại các huyện Đô Lương, Yên Thành, Thanh Chương; chỉ đạo, hướng dẫn các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản giống xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng vùng an toàn dịch bệnh Lở mồm long móng gia súc trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn và thị xã Thái Hòa, giai đoạn 2025-2030.

#### **7. Công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm; quản lý thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và hành nghề thú y**

- Tăng cường công tác quản lý đối với các hoạt động giết mổ, kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; công tác quản lý thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và hành nghề thú y; rà soát, nâng cấp các cơ sở giết mổ tập trung đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y; tổ chức, thực hiện kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đúng quy định.

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong buôn bán, sử dụng thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, nhất là kháng sinh không rõ nguồn gốc, thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thuốc cấm sử dụng, thuốc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch phòng, chống kháng kháng sinh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh; đồng thời tiếp tục xây dựng kế hoạch phòng chống kháng kháng sinh trong chăn nuôi và triển khai thực hiện các năm tiếp theo.

**III. Kinh phí thực hiện:** Kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, động vật thủy sản được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định và các nguồn huy động hợp pháp khác.



## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện tốt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2025.
- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch cấp tỉnh, các đoàn kiểm tra công tác phòng chống dịch bệnh động vật tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.
- Chủ trì chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp quyết toán kinh phí ngân sách trung ương và địa phương hỗ trợ.
- Phối hợp cơ quan có thẩm quyền tham mưu UBND tỉnh đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư, hóa chất và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của tỉnh.
- Tham mưu trình UBND tỉnh hình thức khen thưởng biểu dương những cá nhân, tổ chức thực hiện tốt; kỷ luật những cá nhân, tổ chức vi phạm, thực hiện không nghiêm công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y:
  - + Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước lĩnh vực chăn nuôi và thú y trên địa bàn tỉnh; chủ động tham mưu kinh phí, xây dựng triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản năm 2025.
  - + Phối hợp với Đài PTTH Nghệ An, Báo Nghệ An, Báo Nông nghiệp Việt Nam và các cơ quan truyền thông báo chí để tuyên truyền, phổ biến Luật Chăn nuôi; Luật Thú y và các văn bản chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật.
  - + Phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức, triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản; phòng, chống kháng kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và công tác xây dựng, quản lý giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch đã được phê duyệt.
  - + Chịu trách nhiệm các nội dung đề xuất theo Kế hoạch, không gây trùng lặp các nhiệm vụ, nội dung với các Kế hoạch khác có liên quan.
  - + Đầu mối mua, tiếp nhận và cung ứng các loại vắc xin, hóa chất, vật tư phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản cho các địa phương kịp thời, hạn chế tối đa dịch bệnh động vật phát sinh và lây lan.
  - + Tổng hợp hồ sơ kinh phí hỗ trợ trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật của các địa phương, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền.
  - + Tham mưu tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết cấp tỉnh về công tác phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh động vật năm 2025.



**2. Sở Tài chính:** Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm đảm bảo từ Ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

### **3. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan; chỉ đạo các cơ quan truyền thông báo chí, đài truyền hình tăng cường tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn tỉnh; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y và chính quyền các cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

### **4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã**

- Xây dựng Kế hoạch và bố trí kinh phí để chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản năm 2025.

- Tuyên truyền về chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước và trách nhiệm chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức, người chăn nuôi, giết mổ, buôn bán động vật, sản phẩm động vật, buôn bán thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi... trong công tác phòng chống dịch bệnh động vật.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật, khắc phục hậu quả do dịch bệnh gây ra, ổn định đời sống và khôi phục chăn nuôi trên địa bàn. Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương.

- Ban hành văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh động vật, tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi, đồng thời giao chỉ tiêu kế hoạch tiêm phòng gia súc, gia cầm cho UBND cấp xã thực hiện; yêu cầu tỷ lệ tiêm phòng bắt buộc phải đạt tối thiểu 80% tổng đàn, đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh hiệu quả. Báo cáo tiến độ tiêm phòng, kết quả tiêm phòng gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y).

- Căn cứ tổng đàn vật nuôi, nguy cơ dịch bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi để đăng ký số lượng vắc xin tiêm phòng tối thiểu đạt 80% tổng đàn vật nuôi, số lượng hóa chất khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi sát thực tế, hiệu quả và chịu trách nhiệm về tính chính xác số lượng vắc xin, hóa chất đã đăng ký.

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản cấp huyện khi có dịch bệnh động vật được công bố; phân công nhiệm vụ, địa bàn cho từng thành viên; thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Tổng hợp hồ sơ thanh quyết toán các nguồn kinh phí, vắc xin, hóa chất, vật tư được cấp; kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có gia súc, gia cầm bị bệnh buộc tiêu hủy, chết do rủi ro sau tiêm phòng vắc xin gửi về Chi cục Chăn nuôi và Thú y Nghệ An chậm nhất là 15 ngày sau khi kết thúc tiêu hủy hoặc sau các đợt tiêm phòng, khử trùng tiêu độc, xử lý dịch bệnh.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và tính pháp lý đối với các hồ sơ quyết toán kinh phí đề nghị được hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật, chi trả



cho công tác phòng chống dịch, hỗ trợ người chăn nuôi và lưu hồ sơ để phục vụ công tác thanh, kiểm tra.

- Tổ chức hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết công tác chăn nuôi, thú y năm 2025.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn:

+ Xây dựng phương án, bố trí kinh phí triển khai thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh động vật năm 2025 tại cấp xã.

+ Trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của cấp xã.

+ Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản cấp xã khi có dịch bệnh động vật được công bố. Tập trung mọi nguồn lực không chế, xử lý, dập tắt các ổ dịch nhanh chóng.

+ Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã, xóm các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng chống dịch bệnh động vật.

+ Lập hồ sơ thanh quyết toán các nguồn kinh phí, vắc xin, hóa chất, vật tư được cấp; tổng hợp kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có gia súc, gia cầm bị bệnh buộc tiêu hủy, chết do rủi ro sau tiêm phòng vắc xin, chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu... báo cáo UBND huyện, Cơ quan thú y cấp huyện chậm nhất là 10 ngày sau khi kết thúc tiêu hủy hoặc sau các đợt tiêm phòng, khử trùng tiêu độc, xử lý dịch bệnh.

**5. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi; vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kinh doanh thuốc thú y; hành nghề thú y:** Chấp hành nghiêm kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản của tỉnh, huyện, xã; tạo điều kiện thuận lợi để công tác tiêm phòng vắc xin, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản thực hiện có hiệu quả nhằm phát triển chăn nuôi bền vững./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU SỐ LƯỢNG VẮC XIN TIÊM PHÒNG CHO ĐÀN TRÂU, BÒ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3669 /QĐ-UBND ngày 30 /12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Đơn vị (huyện)	Số xã	Tổng đàn trâu bò (con)			Chỉ tiêu tiêm phòng vắc xin 01 vụ /năm (con)								
			Tổng đàn	Trang trại	Nông hộ	Tụ huyết trùng			Lở mồm long móng			Viêm da nổi cục		
						Tổng	Trang trại	Nông hộ	Tổng	Trang trại	Nông hộ	Tổng	Trang trại	Nông hộ
			(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)=(2)*0,8	(6)=(3)*0,8	(7)=(8)+(9)	(8)=(2)*0,8	(9)=(3)*0,8	(10)=(11)+(12)	(11)=(2)*0,8	(12)=(3)*0,8
1	Diễn Châu	32	33.206	8.816	24.390	26.565	7.053	19.512	26.565	7.053	19.512	26.565	7.053	19.512
2	Yên Thành	32	38.225	8.095	30.130	30.580	6.476	24.104	30.580	6.476	24.104	30.580	6.476	24.104
3	Quỳnh Lưu	25	26.970	5.385	21.585	21.576	4.308	17.268	21.576	4.308	17.268	21.576	4.308	17.268
4	Hưng Nguyên	15	13.442	2.949	10.493	10.754	2.359	8.394	10.754	2.359	8.394	10.754	2.359	8.394
5	Nghi Lộc	25	31.136	6.637	24.499	24.909	5.309	19.600	24.909	5.309	19.600	24.909	5.309	19.600
6	Tp. Vinh	33	6.301	-	6.301	5.041	-	5.041	5.041	-	5.041	5.041	-	5.041
7	Tx. Hoàng Mai	10	12.844	3.155	9.689	10.275	2.524	7.751	10.275	2.524	7.751	10.275	2.524	7.751
8	Đô Lương	32	34.272	6.453	27.819	27.418	5.162	22.255	27.418	5.162	22.255	27.418	5.162	22.255
9	Nam Đàn	17	30.354	6.873	23.481	24.283	5.498	18.785	24.283	5.498	18.785	24.283	5.498	18.785
10	TX. Thái Hòa	9	11.614	2.519	9.095	9.291	2.015	7.276	9.291	2.015	7.276	9.291	2.015	7.276
11	Nghĩa Đàn	20	112.320	27.942	84.378	89.856	22.354	67.502	89.856	22.354	67.502	89.856	22.354	67.502
12	Tân Kỳ	20	56.976	9.257	47.719	45.581	7.405	38.175	45.581	7.405	38.175	45.581	7.405	38.175
13	Thanh Chương	29	83.589	15.548	68.041	66.871	12.438	54.433	66.871	12.438	54.433	66.871	12.438	54.433
14	Anh Sơn	19	22.103	3.459	18.644	17.682	2.767	14.915	17.682	2.767	14.915	17.682	2.767	14.915
15	Quỳ Hợp	21	42.920	7.768	35.152	34.336	6.214	28.122	34.336	6.214	28.122	34.336	6.214	28.122
16	Con Cuông	12	35.486	5.966	29.520	28.389	4.773	23.616	28.389	4.773	23.616	28.389	4.773	23.616
17	Quỳ Châu	12	41.803	6.567	35.236	33.442	5.254	28.189	33.442	5.254	28.189	33.442	5.254	28.189
18	Quê Phong	13	44.153	8.096	36.058	35.322	6.476	28.846	35.322	6.476	28.846	35.322	6.476	28.846
19	Tương Dương	17	62.090	13.489	48.601	49.672	10.791	38.881	49.672	10.791	38.881	49.672	10.791	38.881
20	Kỳ Sơn	21	57.364	14.083	43.281	45.891	11.267	34.625	45.891	11.267	34.625	45.891	11.267	34.625
<b>Cộng</b>		<b>414</b>	<b>797.168</b>	<b>163.055</b>	<b>634.113</b>	<b>637.734</b>	<b>130.444</b>	<b>507.290</b>	<b>637.734</b>	<b>130.444</b>	<b>507.290</b>	<b>637.734</b>	<b>130.444</b>	<b>507.290</b>

**Ghi chú:** Tổng đàn được lấy theo số liệu tháng 11 năm 2024 của Cục thống kê. Mỗi năm tiêm phòng vào 02 vụ chính, riêng Viêm da nổi cục tiêm phòng 01 lần/năm.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU SỐ LƯỢNG VẮC XIN TIÊM PHÒNG CHO ĐÀN LỢN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3669 /QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Đơn vị (huyện)	Số xã	Tổng đàn lợn (con)			Chỉ tiêu tiêm phòng vắc xin 01 vụ /năm (con)						
			Tổng đàn	Trang trại	Nông hộ	LMLM	Tự huyết trùng			Dịch tả		
							Tổng	Trang trại	Nông hộ	Tổng	Trang trại	Nông hộ
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)*0,8	(5)=(6)+(7)	(6)=(2)*0,8	(7)=(3)*0,8	(8)=(9)+(10)	(9)=(2)*0,8	(10)=(3)*0,8			
1	Diễn Châu	32	35.590	12.457	23.134	9.965	28.472	9.965	18.507	28.472	9.965	18.507
2	Yên Thành	32	86.955	30.434	56.521	24.347	69.564	24.347	45.217	69.564	24.347	45.217
3	Quỳnh Lưu	25	50.850	17.798	33.053	14.238	40.680	14.238	26.442	40.680	14.238	26.442
4	Hung Nguyên	15	12.219	4.277	7.942	3.421	9.775	3.421	6.354	9.775	3.421	6.354
5	Nghi Lộc	25	25.039	8.764	16.275	7.011	20.031	7.011	13.020	20.031	7.011	13.020
6	Tp. Vinh	33	8.879	3.108	5.771	2.486	7.103	2.486	4.617	7.103	2.486	4.617
7	Tx. Hoàng Mai	10	21.593	7.558	14.035	6.046	17.274	6.046	11.228	17.274	6.046	11.228
8	Đô Lương	32	59.670	20.885	38.786	16.708	47.736	16.708	31.028	47.736	16.708	31.028
9	Nam Đàn	17	31.980	11.193	20.787	8.954	25.584	8.954	16.630	25.584	8.954	16.630
10	TX. Thái Hòa	9	26.820	9.387	17.433	7.510	21.456	7.510	13.946	21.456	7.510	13.946
11	Nghĩa Đàn	20	57.480	20.118	37.362	16.094	45.984	16.094	29.890	45.984	16.094	29.890
12	Tân Kỳ	20	54.244	18.985	35.259	15.188	43.395	15.188	28.207	43.395	15.188	28.207
13	Thanh Chương	29	128.843	45.095	83.748	36.076	103.074	36.076	66.998	103.074	36.076	66.998
14	Anh Sơn	19	62.992	22.047	40.945	17.638	50.394	17.638	32.756	50.394	17.638	32.756
15	Quỳ Hợp	21	201.548	70.542	131.006	56.433	161.238	56.433	104.805	161.238	56.433	104.805
16	Con Cuông	12	30.820	10.787	20.033	8.630	24.656	8.630	16.026	24.656	8.630	16.026
17	Quỳ Châu	12	34.830	12.191	22.640	9.752	27.864	9.752	18.112	27.864	9.752	18.112
18	Quê Phong	13	30.582	10.704	19.878	8.563	24.466	8.563	15.903	24.466	8.563	15.903
19	Tương Dương	17	29.692	10.392	19.300	8.314	23.754	8.314	15.440	23.754	8.314	15.440
20	Kỳ Sơn	21	25.990	9.097	16.894	7.277	20.792	7.277	13.515	20.792	7.277	13.515
<b>Cộng</b>		<b>414</b>	<b>1.016.616</b>	<b>355.816</b>	<b>660.800</b>	<b>284.652</b>	<b>813.293</b>	<b>284.652</b>	<b>528.640</b>	<b>813.293</b>	<b>284.652</b>	<b>528.640</b>

**Ghi chú:** - Tổng đàn được lấy theo số liệu tháng 11 năm 2024 của Cục thống kê; mỗi năm tiêm phòng vào 02 vụ chính.

- Vắc xin Lở mồm long móng tiêm phòng trên 80% tổng đàn chăn nuôi trang trại.

M



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU SỐ LƯỢNG VẮC XIN TIÊM PHÒNG CHO ĐÀN CHÓ, MÈO, GIA CẦM NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3669 /QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Đơn vị (huyện)	Số xã	Tổng đàn chó, mèo (con)	Tổng đàn gia cầm (con)			Chỉ tiêu tiêm phòng vắc xin 01 vụ /năm (con)			
				Tổng đàn	Trang trại	Nông hộ	Đại chó	Cúm gia cầm		
								Tổng	Trang trại	Nông hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(1)*0,8	(6)	(7)=(3)*0,8	(8)=(4)*0,8			
1	Diễn Châu	32	18.545	2.900.000	725.000	2.175.000	14.836	2.320.000	580.000	1.740.000
2	Yên Thành	32	35.480	4.350.000	1.087.500	3.262.500	28.384	3.480.000	870.000	2.610.000
3	Quỳnh Lưu	25	19.330	2.990.000	747.500	2.242.500	15.464	2.392.000	598.000	1.794.000
4	Hung Nguyên	15	10.640	1.455.000	363.750	1.091.250	8.512	1.164.000	291.000	873.000
5	Nghi Lộc	25	15.433	2.543.000	635.750	1.907.250	12.346	2.034.400	508.600	1.525.800
6	Tp. Vinh	33	8.399	1.108.000	213.750	894.250	6.719	886.400	171.000	715.400
7	Tx. Hoàng Mai	10	8.137	1.512.000	378.000	1.134.000	6.510	1.209.600	302.400	907.200
8	Đô Lương	32	19.175	2.200.000	550.000	1.650.000	15.340	1.760.000	440.000	1.320.000
9	Nam Đàn	17	20.715	2.252.000	563.000	1.689.000	16.572	1.801.600	450.400	1.351.200
10	TX. Thái Hòa	9	14.000	710.590	177.648	532.943	11.200	568.472	142.118	426.354
11	Nghĩa Đàn	20	12.641	2.337.000	584.250	1.752.750	10.113	1.869.600	467.400	1.402.200
12	Tân Kỳ	20	28.664	2.600.000	650.000	1.950.000	22.931	2.080.000	520.000	1.560.000
13	Thanh Chương	29	34.815	3.300.000	825.000	2.475.000	27.852	2.640.000	660.000	1.980.000
14	Anh Sơn	19	20.261	1.837.310	459.328	1.377.983	16.209	1.469.848	367.462	1.102.386
15	Quý Hợp	21	26.441	1.920.000	480.000	1.440.000	21.153	1.536.000	384.000	1.152.000
16	Con Cuông	12	19.007	850.000	212.500	637.500	15.206	680.000	170.000	510.000
17	Quý Châu	12	17.701	640.000	160.000	480.000	14.161	512.000	128.000	384.000
18	Quê Phong	13	17.513	650.000	162.500	487.500	14.010	520.000	130.000	390.000
19	Tương Dương	17	9.064	579.000	144.750	434.250	7.251	463.200	115.800	347.400
20	Kỳ Sơn	21	9.048	454.100	113.525	340.575	7.238	363.280	90.820	272.460
<b>Cộng</b>		<b>414</b>	<b>365.009</b>	<b>37.188.000</b>	<b>9.233.750</b>	<b>27.954.250</b>	<b>292.007</b>	<b>29.750.400</b>	<b>7.387.000</b>	<b>22.363.400</b>

**Ghi chú:** Tổng đàn được lấy theo số liệu tháng 11 năm 2024 của Cục thống kê, tổng đàn chó, mèo theo số liệu báo cáo của các huyện, thành phố, thị xã. Mỗi năm tiêm phòng vào 02 vụ chính, riêng vắc xin Đại chó tiêm phòng 01 lần/năm.

1/11



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP NHU CẦU VẮC XIN TIÊM PHÒNG CHO ĐÀN GIA SÚC THUỘC CÁC XÃ MIỀN NÚI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/2021/NQ-HĐND  
NGÀY 09/12/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN, NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3669 /QĐ-UBND ngày 30 /12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên huyện	Tổng đàn (con)		Nhu cầu vắc xin tiêm phòng (con)									Ghi chú
				Trâu, bò					Lợn				
		Trâu, bò	Lợn	Lở mồm long móng		Tụ huyết trùng		Viêm da nổi cục	Dịch tả lợn		Tụ huyết trùng		
				1 đợt	Cả năm	1 đợt	Cả năm	1 đợt/năm	1 đợt	Cả năm	1 đợt	Cả năm	
(1)	(2)	(3)=(1)*0,8	(4)=(3)*2	(5)=(1)*0,8	(6)=(5)*2	(7)=(1)*0,8	(8)=(2)*0,8	(9)=(8)*2	(10)=(2)*0,8	(11)=(10)*2			
1	Thanh Chương	2.915	4.289	2.332	4.664	2.332	4.664	2.332	3.431	6.862	3.431	6.862	
2	Quỳ Hợp	22.855	20.915	18.284	36.568	18.284	36.568	18.284	16.732	33.464	16.732	33.464	
3	Con Cuông	25.978	27.177	20.782	41.565	20.782	41.565	20.782	21.742	43.483	21.742	43.483	
4	Quế Phong	32.601	25.551	26.081	52.162	26.081	52.162	26.081	20.441	40.882	20.441	40.882	
5	Tương Dương	34.737	15.776	27.790	55.579	27.790	55.579	27.790	12.621	25.242	12.621	25.242	
6	Quỳ Châu	17.684	13.695	14.147	28.294	14.147	28.294	14.147	10.956	21.912	10.956	21.912	
7	Kỳ Sơn	48.655	15.016	38.924	77.848	38.924	77.848	38.924	12.013	24.026	12.013	24.026	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>185.425</b>	<b>122.419</b>	<b>148.340</b>	<b>296.680</b>	<b>148.340</b>	<b>296.680</b>	<b>148.340</b>	<b>97.935</b>	<b>195.870</b>	<b>97.935</b>	<b>195.870</b>	

**Ghi chú:** Thực hiện theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ và Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An. Mỗi năm tiêm phòng vào 02 vụ chính, riêng vắc xin Viêm da nổi cục trâu, bò tiêm phòng 01 lần/năm.

MW



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP NHU CẦU VẮC XIN TIÊM PHÒNG CHO ĐÀN VẬT NUÔI THEO CÁC KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT CỦA  
UBND TỈNH, NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3669 /QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên huyện	Lở mồm long móng trâu, bò			Viêm da nổi cục trâu, bò		Đại		Cúm gia cầm			Ghi chú
		Tổng đàn (con)	Nhu cầu vắc xin tiêm phòng 01 vụ (con)	Nhu cầu vắc xin tiêm phòng cả năm (con)	Tổng đàn (con)	Nhu cầu vắc xin tiêm phòng (con)	Tổng đàn (con)	Nhu cầu vắc xin tiêm phòng (con)	Tổng đàn (con)	Nhu cầu vắc xin tiêm phòng 01 vụ (con)	Nhu cầu vắc xin tiêm phòng cả năm (con)	
		(1)	(2)=(1)*0,8	(3)=(2)*2	(4)	(5)=(4)*0,8	(6)	(7)=(6)*0,8	(8)	(9)=(8)*0,8	(10)=(9)*2	
1	Nam Đàn	10.301	8.241	16.482	10.301	8.241	3.554	2.843	1.689.000	1.351.200	2.702.400	
2	Thanh Chương	27.106	21.685	43.370	27.106	21.685	29.206	23.365	0	0	0	
3	Quỳ Hợp	8.025	6.420	12.840	8.025	6.420	15.991	12.793	0	0	0	
4	Con Cuông	3.766	3.013	6.026	3.766	3.013	18.733	14.986	0	0	0	
5	Quỳnh Lưu	8.454	6.763	13.526	9.733	7.786	1.993	1.594	2.242.500	1.794.000	3.588.000	
6	Quế Phong	3.064	2.451	4.902	3.064	2.451	17.513	14.010	0	0	0	
7	Yên Thành	16.617	13.294	26.587	16.107	12.886	37.014	29.611	3.262.500	2.610.000	5.220.000	
8	Trương Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	Quỳ Châu	3.715	2.972	5.944	2.610	2.088	9.374	7.499	0	0	0	
10	Diễn Châu	5.587	4.470	8.939	4.577	3.662	9.766	7.813	2.175.000	1.740.000	3.480.000	
11	Anh Sơn	15.078	12.062	24.125	15.204	12.163	19.714	15.771	0	0	0	
12	Đô Lương	6.685	5.348	10.696	5.588	4.470	897	718	1.650.000	1.320.000	2.640.000	

M



13	Nghĩa Đàn	14.039	11.231	22.462	14.039	11.231	0	0	0	0	0	
14	Tx. Thái Hòa	5.782	4.626	9.251	5.782	4.626	14.560	11.648	0	0	0	
15	Tp. Vinh	2.233	1.786	3.573	2.233	1.786	5.873	4.698	641.250	513.000	1.026.000	
16	Hưng Nguyên	4.710	3.768	7.536	4.710	3.768	3.320	2.656	1.091.250	873.000	1.746.000	
17	Tx. Hoàng Mai	3.796	3.037	6.074	279	223	4.429	3.543	1.134.000	907.200	1.814.400	
18	Kỳ Sơn	1.659	1.327	2.654	1.659	1.327	9.048	7.238	0	0	0	
19	Nghi Lộc	5.700	4.560	9.120	5.700	4.560	0	0	1.907.250	1.525.800	3.051.600	
20	Tân Kỳ	984	787	1.574	10.232	8.186	4.268	3.414	0	0	0	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>147.301</b>	<b>117.841</b>	<b>235.682</b>	<b>150.715</b>	<b>120.572</b>	<b>205.253</b>	<b>164.202</b>	<b>15.792.750</b>	<b>12.634.200</b>	<b>25.268.400</b>	

**Ghi chú:** Vắc xin Lở mồm long móng theo QĐ 115/QĐ-UBND ngày 15/01/2021, vắc xin Viêm da nổi cục Theo QĐ số 5179/QĐ-UBND ngày 30/12/2021, vắc xin Đại theo QĐ số 766/QĐ-UBND ngày 24/3/2022, vắc xin Cúm gia cầm theo QĐ số 1116/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UNND tỉnh Nghệ An. Mỗi năm tiêm phòng vào 02 vụ chính, riêng vắc xin Đại chó, Viêm da nổi cục trâu, bò tiêm phòng 01 lần/năm.

*MY*



**Nhu cầu hóa chất phun khử trùng tiêu độc phòng, chống bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3669 /QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung	Diện tích cần phun (m <sup>2</sup> )	Nhu cầu hóa chất (lít)	Diện tích ao cần xử lý (ha)	Nhu cầu hóa chất (kg)	Ghi chú
		(1)	(2)=(1)/2.000	(3)	(4)=(3)x 1,5 (m) x 10.000 x 0,03	
1	<b>KTTĐ phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn</b> (1 lít hóa chất phun 2.000m <sup>2</sup> )	105.450.000	52.725			
-	KTTĐ môi trường định kỳ và KTTĐ sau bão lụt	65.450.000	32.725			
-	Khử trùng môi trường xử lý khẩn cấp khi dịch bệnh xảy ra: Dự kiến 200 ổ dịch, diện tích cần phun 01 ổ dịch 200.000m <sup>2</sup> .	40.000.000	20.000			
2	<b>KTTĐ phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản</b>			120,00	54.000	

M